

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

1000 * M.S.D *

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch
Ông Hoàng Thuần	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Liu Chien Hung	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Hương	Thành viên – miễn nhiệm ngày 26/04/2019
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên – bổ nhiệm ngày 26/04/2019

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thuần	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Minh Trương

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Số: 20.112/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai, được lập ngày 09 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.470.493.220	50.958.301.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.254.110.997	5.829.066.110
1. Tiền	111		3.254.110.997	5.829.066.110
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.457.513.912	28.331.699.265
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	30.449.979.079	25.532.655.114
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		505.132.080	2.074.852.928
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.786.560.538	3.008.349.008
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.284.157.785)	(2.284.157.785)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	15.644.551.488	14.797.536.187
1. Hàng tồn kho	141		15.980.514.752	15.133.499.451
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(335.963.264)	(335.963.264)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		114.316.823	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	114.316.823	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.386.408.265	13.505.485.301
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.055.336.000	875.300.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.055.336.000	875.300.000
II. Tài sản cố định	220		7.262.072.265	7.283.019.021
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	7.262.072.265	7.283.019.021
Nguyên giá	222		30.993.532.065	29.702.035.374
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.731.459.800)	(22.419.016.353)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.019.000.000	5.019.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	5.019.000.000	5.019.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		50.000.000	328.166.280
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.26	50.000.000	328.166.280
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		64.856.901.485	64.463.786.863

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.987.141.973	28.704.515.013
I. Nợ ngắn hạn	310		28.269.451.423	28.087.639.253
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	9.534.858.470	9.129.410.999
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.607.560	231.647.352
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	795.031.033	1.264.272.669
4. Phải trả người lao động	314		2.650.365.613	4.923.648.204
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	7.134.983.576	6.676.091.168
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	1.348.903.215	129.353.081
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	5.646.584.598	4.199.168.422
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.155.117.358	1.534.047.358
II. Nợ dài hạn	330		717.690.550	616.875.760
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.11	717.690.550	616.875.760
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.869.759.512	35.759.271.850
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	35.869.759.512	35.759.271.850
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.304.793.432	12.304.793.432
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.864.586.080	6.754.098.418
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.958.553.418	1.784.712.077
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.906.032.662	4.969.386.341
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		64.856.901.485	64.463.786.863



Trịnh Minh Trương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Kiều Thị Thanh Loan
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.15	74.537.965.836	82.141.821.472
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.16	7.988.009.407	8.657.741.823
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.549.956.429	73.484.079.649
4. Giá vốn hàng bán	11	4.17	49.500.995.443	53.716.376.390
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.048.960.986	19.767.703.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.18	65.386.650	398.103.385
7. Chi phí tài chính	22	4.19	1.641.260.171	2.298.651.596
Trong đó, chi phí lãi vay	23		214.808.867	465.150.999
8. Chi phí bán hàng	25	4.20	4.760.031.770	5.252.798.973
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.21	6.395.078.459	7.135.570.069
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.317.977.236	5.478.786.006
11. Thu nhập khác	31	4.22	1.016.071.724	531.552.966
12. Chi phí khác	32	4.23	387.656.061	554.699.334
13. Lợi nhuận khác	40		628.415.663	(23.146.368)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.946.392.899	5.455.639.638
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	762.193.957	955.476.912
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	4.26	278.166.280	174.293.700
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.906.032.662	4.325.869.026
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.13.4	2.110	2.336



Trịnh Minh Trương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Kiều Thị Thanh Loan
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.946.392.899	5.455.639.638
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.24	1.312.443.447	1.352.472.686
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.18	(62.449.379)	(397.176.337)
Chi phí lãi vay	06	4.19	214.808.867	465.150.999
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.411.195.834	6.876.086.986
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.304.641.943)	(3.092.347.278)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(847.015.301)	(533.766.514)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(621.207.085)	(6.671.127.481)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	51.840.630
Tiền lãi vay đã trả	14		(214.808.867)	(465.150.999)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(1.318.415.854)	(898.109.840)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.100.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(370.030.000)	(885.130.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		736.176.784	(5.617.704.496)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.025.452.452)	(75.058.500)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	4.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.18	62.449.379	397.176.337
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(963.003.073)	4.322.117.837

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.27	22.863.374.267	29.880.178.253
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.28	(21.415.958.091)	(22.228.819.890)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.13.1	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.348.128.824)	3.855.813.363
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(2.574.955.113)	2.560.226.704
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	5.829.066.110	1.970.484.479
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	3.254.110.997	4.530.711.183



Trịnh Minh Trương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Kiều Thị Thanh Loan
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai). Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 198 (31 tháng 12 năm 2018 là: 208).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo;
- Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo;
- Dịch vụ thi công về sơn; và
- Xây dựng nhà các loại và các công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2019 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Bắc Ninh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2018.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.063.018.408	320.705.130
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.191.092.589	5.508.360.980
Cộng	<u>3.254.110.997</u>	<u>5.829.066.110</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 5,5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Sonadezi Châu Đức	4.200.000.000	7.686.000.000 (1)	4.200.000.000	4.620.000.000 (1)
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	819.000.000	- (2)	819.000.000	- (2)
Cộng	5.019.000.000	-	5.019.000.000	-

(1) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(2) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công ty TNHH PPG Việt Nam	4.297.156.310	3.915.681.007
Chi Nhánh tại TP HCM của Công ty TNHH Akzonobel Coatings Việt Nam	3.597.608.745	-
Các khách hàng khác	22.555.214.024	21.616.974.107
Cộng	<u>30.449.979.079</u>	<u>25.532.655.114</u>

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	180.450.331	-	153.891.755	-
Phải thu khác	1.606.110.207	-	2.854.457.253	-
Cộng	<u>1.786.560.538</u>	<u>-</u>	<u>3.008.349.008</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.055.336.000	-	875.300.000	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Nợ xấu**

Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.284.157.785	-	2.284.157.785

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn
Cửa hàng Nguyễn Văn San	1.096.000.000	Trên 3 năm	1.096.000.000	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM XS Tâm Thành Long	276.885.274	Trên 3 năm	276.885.274	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM & XD Minh Khôi	367.017.470	Trên 3 năm	367.017.470	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	544.255.041	Trên 3 năm	544.255.041	Trên 3 năm
Cộng	2.284.157.785		2.284.157.785	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.656.299.513	(189.481.343)	7.071.725.179	(189.481.343)
Công cụ, dụng cụ	646.457.085	-	572.669.421	-
Bán thành phẩm	431.453.985	-	481.571.666	-
Thành phẩm	8.205.486.245	(146.481.921)	6.972.184.778	(146.481.921)
Hàng hóa	40.817.924	-	35.348.407	-
Cộng	15.980.514.752	(335.963.264)	15.133.499.451	(335.963.264)

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp bảo đảm các khoản vay ngân hàng – Xem thêm mục 4.12.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	7.953.820.577	14.905.230.706	6.710.723.546	132.260.545	29.702.035.374
Mua trong kỳ	-	1.027.860.327	263.636.364	-	1.291.496.691
Tại ngày 30/06/2019	7.953.820.577	15.933.091.033	6.974.359.910	132.260.545	30.993.532.065
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	6.342.449.750	10.631.253.615	5.313.052.443	132.260.545	22.419.016.353
Khấu hao trong kỳ	219.761.557	798.627.222	294.054.668	-	1.312.443.447
Tại ngày 30/06/2019	6.562.211.307	11.429.880.837	5.607.107.111	132.260.545	23.731.459.800
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	1.611.370.827	4.273.977.091	1.397.671.103	-	7.283.019.021
Tại ngày 30/06/2019	1.391.609.270	4.503.210.196	1.367.252.799	-	7.262.072.265

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2019 của TSCĐ hữu hình là 1.928.763.151 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.104.496.206 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH PNP Chemitech	1.392.558.750	1.392.558.750	890.967.000	890.967.000
Phải trả cho các đối tượng khác	8.142.299.720	8.142.299.720	8.238.443.999	8.238.443.999
Cộng	9.534.858.470	9.534.858.470	9.129.410.999	9.129.410.999

4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	680.977.450	3.596.946.874	3.551.780.770	-	635.811.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.316.823	-	762.193.957	1.318.415.854	-	441.905.074
Thuế thu nhập cá nhân	-	114.053.583	498.999.590	571.502.256	-	186.556.249
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	114.316.823	795.031.033	4.862.140.421	5.445.698.880	-	1.264.272.669

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền thưởng doanh số đại lý phải trả	3.419.000.000	381.409.533
Chi phí chương trình khuyến mãi phải trả	280.000.000	108.613.000
Chi phí hội nghị khách hàng phải trả	670.000.000	4.350.000.000
Các khoản phải trả khác	2.765.983.576	1.836.068.635
Cộng	7.134.983.576	6.676.091.168

4.11. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	35.562.231	36.103.081
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.313.340.984	93.250.000
Cộng	1.348.903.215	129.353.081
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	717.690.550	616.875.760

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Vay ngắn hạn**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	5.646.584.598	5.646.584.598	22.863.374.267	21.415.958.091	4.199.168.422	4.199.168.422

Vay ngân hàng là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 19/2019-HĐCVHM/NHCT682-SDN ngày 18/04/2019. Thời hạn vay không quá 5 tháng, hạn mức tín dụng 20 tỷ VND, lãi suất theo từng giấy nhận nợ với lãi suất bình quân là 7,5%/năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh, được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Máy móc, thiết bị theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 01/SDN/2011/BBĐGL-2018 ngày 18/04/2018 - Xem thêm mục 4.7.
- Nhà máy sản xuất sản phẩm sơn các loại theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 02/SDN/2010/BBĐGL-2018 ngày 18/04/2018 - Xem thêm mục 4.7.
- Toàn bộ hàng tồn kho trị giá tối thiểu là 10 tỷ đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 03/SDN/2012/BBĐGL-2018 ngày 18/04/2018 - Xem thêm mục 4.6.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	15.182.180.000	11.169.856.192	1.518.200.000	5.580.257.077	33.450.493.269
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	4.325.869.026	4.325.869.026
Chia cổ tức	-	-	-	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)
Số dư tại ngày 30/06/2018	15.182.180.000	11.169.856.192	1.518.200.000	6.110.581.103	33.980.817.295
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	3.240.379.242	3.240.379.242
Tạm trích quỹ ĐTPT năm 2018	-	1.134.937.240	-	(1.134.937.240)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	-	-	-	(1.461.924.687)	(1.461.924.687)
Số dư tại ngày 01/01/2019	15.182.180.000	12.304.793.432	1.518.200.000	6.754.098.418	35.759.271.850
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	3.906.032.662	3.906.032.662
Chia cổ tức	-	-	-	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)
Số dư tại ngày 30/06/2019	15.182.180.000	12.304.793.432	1.518.200.000	6.864.586.080	35.869.759.512

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
Cộng	15.182.180.000	15.182.180.000

4.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.518.218	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.518.218	1.518.218
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

4.13.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.906.032.662	4.325.869.026
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(703.085.879)	(778.656.425)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.202.946.783	3.547.212.601
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.518.218	1.518.218
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.110	2.336

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2012	260.051.215	260.051.215
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 23/07/2013	333.886.504	333.886.504
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

4.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	7.854.875.477	8.325.523.403
Hàng bán bị trả lại	133.133.930	332.218.420
Cộng	7.988.009.407	8.657.741.823

4.17. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán phát sinh trong kỳ.

4.18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	62.449.379	188.226.337
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	208.950.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.937.271	927.048
Cộng	65.386.650	398.103.385

4.19. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	214.808.867	465.150.999
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.105.562	1.675.800
Chiết khấu thanh toán	1.421.345.742	1.831.824.797
Cộng	1.641.260.171	2.298.651.596

4.20. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí vật liệu, bao bì	463.875.229	557.997.413
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	945.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	346.215.596	359.741.196
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	2.799.183.923	2.652.444.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.736.363	323.272.408
Chi phí bằng tiền khác	926.020.659	1.358.398.574
Cộng	4.760.031.770	5.252.798.973

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	3.277.745.185	4.056.225.879
Chi phí vật liệu quản lý	186.594.472	225.823.662
Chi phí đồ dùng văn phòng	106.330.313	62.037.529
Chi phí khấu hao TSCĐ	92.478.930	92.478.930
Thuế, phí và lệ phí	125.583.675	140.792.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	347.762.944	378.062.680
Chi phí bằng tiền khác	2.258.582.940	2.180.148.615
Cộng	6.395.078.459	7.135.570.069

4.22. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ cho thuê và quản lý kho	731.596.000	-
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	267.340.314	489.576.988
Thu nhập khác	17.135.410	41.975.978
Cộng	1.016.071.724	531.552.966

4.23. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Xử lý hao hụt vật tư thiếu	285.131.806	532.971.096
Các khoản bị phạt	-	20.063.822
Các khoản khác	102.524.255	1.664.416
Cộng	387.656.061	554.699.334

4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.200.990.189	33.191.222.587
Chi phí nhân công	12.802.988.385	15.176.250.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.312.443.447	1.352.472.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.240.181.512	11.396.757.716
Chi phí khác bằng tiền	5.288.155.442	5.599.283.041
Cộng	61.844.758.975	66.715.986.146

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	4.946.392.899	5.455.639.638
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	255.408.290	402.163.422
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(1.390.831.400)</u>	<u>(1.080.418.500)</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.810.969.789	4.777.384.560
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	<u>762.193.957</u>	<u>955.476.912</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ, không hóa đơn, chứng từ; chi phí phạt vi phạm hành chính; chi phí trích trước...

4.26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	<u>Chi phí trả trước VND</u>
Tại ngày 01/01/2018	(224.293.700)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(103.872.580)
Tại ngày 01/01/2019	(328.166.280)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	278.166.280
Tại ngày 30/06/2019	<u>(50.000.000)</u>

4.27. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	22.863.374.267	29.880.178.253

4.28. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(21.415.958.091)	(22.228.819.890)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.29. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại
- Gia công sơn
- Hoạt động khác

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần								
Từ khách hàng bên ngoài	45.032.099.104	47.662.055.602	21.517.857.325	25.822.024.047	-	-	66.549.956.429	73.484.079.649
Cộng	45.032.099.104	47.662.055.602	21.517.857.325	25.822.024.047	-	-	66.549.956.429	73.484.079.649

Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận	2.600.793.096	2.851.595.372	3.293.057.661	4.527.738.845	-	-	5.893.850.757	7.379.334.217
Thu nhập tài chính							65.386.650	398.103.385
Chi phí tài chính							(1.641.260.171)	(2.298.651.596)
Thu nhập khác							1.016.071.724	531.552.966
Chi phí khác							(387.656.061)	(554.699.334)
Lợi nhuận trước thuế							4.946.392.899	5.455.639.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(1.040.360.237)	(1.129.770.612)
Lợi nhuận sau thuế							3.906.032.662	4.325.869.026

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Tài sản của bộ phận	43.361.319.261	40.886.464.801	10.129.568.652	9.643.661.354	-	-	53.490.887.913	50.530.126.155
Tài sản không phân bổ							11.366.013.572	13.933.660.708
Tổng tài sản							64.856.901.485	64.463.786.863

	Sản xuất sơn các loại		Dịch vụ gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Nợ phải trả của bộ phận	16.533.953.843	13.689.579.854	-	-	-	-	16.533.953.843	13.689.579.854
Nợ phải trả không phân bổ							12.453.188.130	15.014.935.159
Tổng nợ phải trả							28.987.141.973	28.704.515.013

(Xem tiếp trang sau)

01/06/2019 12:12

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Sàn xuất sơm các loại	Dịch vụ gia công		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	1.291.496.691	75.058.500	-	-	1.291.496.691	75.058.500
Chi phí khấu hao trong kỳ	1.132.605.288	1.126.519.220	179.838.159	225.953.466	1.312.443.447	1.352.472.686

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.30. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi) | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả cổ tức:		
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	1.138.860.000	1.138.860.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	582.092.000	479.013.000
Cổ tức trả cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	600.092.500	599.242.500

4.31. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	66.490.000	39.990.000

4.32. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 48 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	245.023.170	242.341.041

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	244.782.633	242.341.041
Trên 1 năm đến 5 năm	679.837.741	679.837.741
Trên 5 năm	3.263.221.157	3.399.188.705
Cộng	4.187.841.531	4.321.367.487

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.33. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trịnh Minh Trương
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Kiều Thị Thanh Loan
Người lập